

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/KDTM-PT

Ngày 17/11/2022

*“V/v tranh chấp HĐ mua bán
điện”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Lê Quốc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Tổng Công ty Điện lực M (Tên viết tắt E), trụ sở: 78A đường D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Tấn C - Chức vụ: Tổng giám đốc E.

Người đại diện theo uỷ quyền: + Ông Huỳnh Q - Chức vụ: Chuyên viên ban pháp chế - Tổng công ty điện lực M; địa chỉ: trụ sở: 78A đường D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. – Có mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc Á - Chức vụ: Giám đốc Công ty Điện lực Đ, địa chỉ: Tổ 3, đường L, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người được ông Á uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thị Tuyết H - Chức vụ: Chuyên viên phòng TTBV&PC - Công ty Điện lực Đ – Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại M, trụ sở: Thôn 1, xã Đắc Rla, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị L - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đỗ Đình H; sinh năm 1983 - Chức vụ: Phó Giám đốc, địa chỉ: Số 11 T - Tổ 5 - Phường N-TP.Gia Nghĩa - Tỉnh Đắc Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: + Ngân hàng t, trụ sở: Số 18 L, P. T, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy T - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng T, địa chỉ: Số 37 H, P. T, Tp. B, tỉnh Đắc Lắc – Có mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn trong vụ án và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tổng công ty Điện lực M (Viết tắt E) - đại diện là Công ty Điện lực Đ (Viết tắt ĐNoPC) đã ký kết các hợp đồng mua bán điện hệ thống điện mặt trời mái nhà với Công ty TNHH Một thành viên xây dựng và thương mại M (Gọi tắt là Công ty M), cụ thể: 03 Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà số 329, 330, 331/2020 ký cùng ngày 31/12/2020 (Công suất của mỗi hợp đồng là 1092.285kWp). Việc ký kết hợp đồng này trên cơ sở cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2021, theo đó các hệ thống điện mặt trời mái nhà có ngày vận hành thương mại của hệ thống hoặc một phần hệ thống trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 thì hệ thống đó được áp dụng Biểu giá mua điện của hệ thống điện mặt trời mái nhà quy định tại Phụ lục của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 (Tức mức giá ưu đãi). Đồng thời, kể từ thời điểm ngày 01/01/2021 thì nhà nước chưa có cơ chế chấp thuận cho các hệ thống có ngày vận hành thương mại sau thời điểm này đấu nối vào lưới điện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, E đã phát hiện có sự chênh lệch số lượng tấm pin theo các biên bản nghiệm thu vào đêm ngày 31/12/2020 so với hình ảnh hiện trường ngày 01/01/2021 (Cụ thể qua kiểm đếm thấy thiếu 2541 tấm pin) và đã thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản số 5978/ĐNoPC-KD ngày 03/10/2021 để trao đổi làm rõ. Ngày 15/10/2021 và ngày 17/11/2021, các bên đã tiến hành làm việc để làm rõ nội dung này; qua đó, phía Công ty M thừa nhận việc hình ảnh hiện trường chụp ngày 01/01/2021 cụm 3 hệ thống điện mặt trời mái nhà của công ty này thiếu số lượng lớn tấm pin là do công ty này đem 1575 tấm pin không đảm bảo chất lượng đi bảo

hành tại nhà cung cấp ngay sau thời điểm nghiệm thu hoàn thành và trong đêm 31/12/2020 đến rạng sáng ngày 01/01/2021 và sau đó lắp lại vào hệ thống vào ngày 16/01/2021.

Việc thay đổi hiện trạng công trình hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty M là hành vi đơn phương không có bất kỳ thông báo nào cho ngành điện và đã làm thay đổi phần lớn hiện trạng công trình hệ thống điện mặt trời đã được nghiệm thu để tiến hành ký hợp đồng mua bán điện theo quy định. Vì vậy, ĐNoPC chỉ công nhận một phần kết quả nghiệm thu theo biên bản 31/12/2020 đối với 4608 tấm pin (Đảm bảo chất lượng và hiện hữu trên hệ thống sau thời điểm nghiệm thu) của 3 hệ thống điện mặt trời này. Do cụm 3 hệ thống điện mặt trời mái nhà nêu trên chưa được phân cụm nên nguyên đơn tạm tính mỗi hệ thống được công nhận số lượng tấm pin bằng một phần ba của 4608 tấm pin hiện hữu trên hệ thống vào ngày 01/01/2021 (tức là 1536 tấm pin/hệ thống). Trong quá trình giải quyết vấn đề nêu trên, ĐNoPC đã gửi rất nhiều văn bản đề nghị Công ty M tháo dỡ 2541 tấm pin vi phạm quy định ra khỏi 3 hệ thống điện mặt trời mái nhà và tiến hành truy thu sản lượng vi phạm nhưng phía công ty này vẫn tiếp tục hành vi vi phạm và không khắc phục hậu quả. Song song đó, ĐNoPC đã báo cáo Tổng công ty Điện lực M (Điện lực cấp trên) để có chỉ đạo giải quyết nhưng Công ty M vẫn không chấp hành.

Nhận thấy hành vi của Công ty M đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngành điện. Cụ thể: Về số lượng 2541 tấm pin không hiện hữu trên hệ thống sau thời điểm nghiệm thu ngày 01/01/2021 và được lắp lại từ ngày 16/01/2021 là minh chứng rõ ràng nhất 2541 tấm pin không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật để nghiệm thu tài sản ngày 31/12/2020 và không đảm bảo điều kiện vận hành thương mại trước ngày 31/12/2020 để hưởng cơ chế ưu đãi về giá điện và điều kiện đầu nối vào lưới theo quy định tại Quyết định 13/2020/QĐ-TTg. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung sau:

1. Yêu cầu không công nhận kết quả của việc nghiệm thu 2.541 tấm pin theo biên bản nghiệm thu vào ngày 31/12/2020 vì không đạt chất lượng, tự ý tháo dỡ, lắp đặt và chưa được sự chấp thuận của bên mua điện.

2. Buộc bị đơn tháo dỡ 2541 tấm pin không được công nhận, theo đó, mỗi hệ thống điện mặt trời mái nhà tháo dỡ 847 tấm pin.

3. Buộc bị đơn chấp nhận truy thu sản lượng điện do 2541 tấm pin phát sinh sản lượng từ ngày 16/01/2021 đến ngày 31/10/2021 là 2,295,896,110 đồng (*Hai tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm mười đồng*).

4. Tuyên hủy một phần các hợp đồng mua bán điện hệ thống điện mặt trời mái nhà số: 329/2020, 330/2020, 331/2020 cùng ký ngày 31/12/2020 giữa Tổng công ty Điện lực M (Đại diện là Công ty Điện lực Đ) và Công ty M tương ứng với số lượng tấm pin bị buộc tháo dỡ trên mỗi hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty M.

Đồng thời xin rút lại lời khai ngày 17/8/2022 của người đại diện theo ủy

quyền của nguyên đơn.

Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bị đơn thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết với nhau 03 hợp đồng mua bán điện mặt trời mái nhà số 329, 330, 331/2020 ngày 31/12/2020. Việc ký kết hợp đồng dựa vào biên bản nghiệm thu pin, đã được bên mua ký xác nhận tại các biên bản kèm theo. Ngày 15/10/2021 nguyên đơn yêu cầu Công ty M tháo 2541 tấm pin vì các hình ảnh mà điện lực trưng ra mà thiếu xác thực của cả bên mua và bên bán tại ngày 1/1/2021.

Tại các biên bản làm việc M đã đưa ra các chứng cứ xác thực việc nghiệm thu của bên mua và các hồ sơ chứng từ kèm theo gồm: Các biên bản làm việc giữa Công ty điện lực Đ với Công ty TNHH MTV M 2 lần đều như biên bản nghiệm thu pin các ngày 31/12/2020 và 12/4/2021; chứng từ nhập pin (Hóa đơn GTGT của bên bán, chứng từ giải ngân của ngân hàng, CO, CQ) trước ngày 31/12/2021 đều khớp với các biên bản nghiệm thu, bảo hành cũng đủ hồ sơ; văn bản số 03/MYLOI ngày 01/01/2021 về việc bảo hành các tấm pin hỏng, vỡ và kém chất lượng; văn bản số 06/IGV ngày 08/01/2021 của Công ty TNHH I về việc bảo hành pin; biên bản giao nhận pin năng lượng mặt trời ngày 16/01/2021 tại nhà máy điện mặt trời mái nhà của Công ty TNHH MTV M; văn bản ngày 27/11/2021 của Công ty TNHH I về việc phúc đáp bảo hành pin theo văn bản số 6920/ĐNoPC-TTBV&PC+KD ngày 16/11/2021 của Công ty Điện lực Đ về việc cung cấp hồ sơ Công ty M, với nội dung việc bảo hành pin, trong thời điểm đó, tại hệ thống điện mặt trời mái nhà thuộc Công ty TNHH MTV M có một phần các tấm pin bị vỡ, kém chất lượng, không còn nguyên đai nguyên kiện, có dấu hiệu đã qua sử dụng. Vì thế để đảm bảo hệ thống điện mặt trời mái nhà vận hành ổn định, hiệu suất tốt cũng như giảm tổn thất do các tấm pin kém chất lượng gây nên Công ty TNHH MTV M đã tháo gỡ các tấm pin trên đi bảo hành.

Thời điểm đó bị đơn chưa nhận được quy trình hướng dẫn của ngành điện về quản lý và vận hành điện mặt trời mái nhà nên chưa có sự phối hợp trong việc gỡ pin đi bảo hành. Đến ngày 22/10/2021 mới có văn bản hướng dẫn của E số 9011/E-KD+VTCNTT về việc triển khai ký Bản cam kết với các CĐT không được tự ý nâng công suất của dự án/hệ thống ĐMTMN, không sửa chữa, tháo tấm pin, thay thế inverter nếu không được sự đồng ý của Bên mua điện.

Như vậy phía nguyên đơn cho rằng có sự nhầm lẫn về mặt kỹ thuật nên đã nghiệm thu các tấm pin không đủ chất lượng, để dẫn đến ngay sau khi nghiệm thu đã mang đi bảo hành làm căn cứ cho việc hủy một phần hợp đồng với bị đơn là không có cơ sở. Bởi lẽ, nguyên đơn và bị đơn chỉ ký kết với nhau về việc mua bán điện, còn bị đơn ký kết với đơn vị khác về cung cấp thiết bị, thiết bị không đảm bảo phải mang bảo hành là đương nhiên. Bị đơn thừa nhận việc tự ý đi bảo hành không báo cho nguyên đơn nhưng điều đó không vi phạm hợp đồng. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu hủy một phần hợp đồng, buộc tháo dỡ 2541 tấm pin và truy thu tiền sản lượng của 2541 tấm pin là không có căn cứ.

Tuy nhiên có một nội dung của hợp đồng số 329 hai bên ký kết theo biên bản nghiệm thu: Tổng công suất lắp đặt 1092,285 kwp, công suất tấm pin quang điện 465 Wp số lượng 1.523 tấm; công suất tấm pin quang điện 445 Wp số lượng 762 tấm; công suất tấm pin quang điện 450 Wp số lượng 100 tấm, bị đơn thừa nhận không chính xác số lượng tấm pin quang điện công suất 465 Wp, thực tế lắp đặt thiếu số lượng 222 tấm vì các tấm pin này bị vỡ, hỏng nên không lắp lên mái nhà nhưng hai bên vẫn nghiệm thu và đi đến ký hợp đồng là nhầm lẫn. Vào tháng 3/2021 bị đơn đã tự ý lắp thêm 222 tấm có công suất 465 wp lên hệ thống thuộc hợp đồng số 329 nhưng chưa đấu nối vào hệ thống và ngày 04-5/10/2021 đã tự nguyện tháo dỡ xuống nên không phát sinh điện năng từ ngày lắp đặt tới nay.

Ngoài ra, việc điện lực Đ ngừng thanh toán cho công ty M toàn bộ số tiền thu mua điện của dự án từ tháng 11/2021 đến nay là vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng. Giả thiết nguyên đơn cho rằng chúng tôi vi phạm một phần hợp đồng thì chỉ được phép ngừng thanh toán phần tiền tương ứng. Do đó bị đơn đề nghị Công ty Điện lực Đ tiếp tục thanh toán tiền điện để đảm bảo quyền lợi của bên bán điện. Việc dừng thanh toán tiền mua điện của ĐNoPC là khó khăn rất lớn cho Công ty M trong việc thực hiện phương án kinh doanh và trả nợ ngân hàng. Vì nếu không thanh toán có nguy cơ mất cân đối tài chính dẫn đến nguy cơ phá sản của Công ty M.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội (MB) trình bày:

MB và Công ty M ký kết hợp đồng tín dụng ngày 12/4/2021 vay số tiền 31.857.828.305 đồng, mục đích tái đầu tư và bù đắp chi phí đầu tư 03 hệ thống điện mặt trời mái nhà, công ty M đã nhận giải ngân đủ 31.857.828.305 đồng. Tài sản bảo đảm gồm máy móc thiết bị đã hình thành, đang hình thành trong tương lai thuộc sở hữu của bên thế chấp gồm 03 hệ thống điện mặt trời mái nhà, quyền đòi nợ đối với tổng công ty điện lực M theo 03 hợp đồng mua bán điện số 329, 330, 331 ký ngày 31/12/2020 theo hợp đồng thế chấp số 16122.21.340.867.0161.BĐ ngày 16/4/2021.

Quan điểm của MB là yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ vì các hợp đồng mua bán điện giữa Tổng công ty điện lực M với Công ty M đã được các bên nghiệm thu đúng số lượng tấm Pin (7.149 tấm Pin) tại 3 biên bản kiểm tra kỹ thuật hệ thống điện năng lượng mặt trời giữa các bên ngày 31/12/2020. Việc nguyên đơn sử dụng ảnh hiện trường ngày 01/01/2021 do Công ty điện lực Đắk Nông thực hiện không thông báo cho Công ty M tham gia để xác định lại số lượng tấm pin giảm (2.541 tấm) so với kết quả nghiệm thu đêm 31/12/2020 là không có căn cứ. Mặt khác, khách hàng đã giải thích việc chênh lệch số lượng tấm pin ngày 01/01/2021 so với biên bản nghiệm thu ngày 31/12/2020 là do công tác bảo hành pin đã nghiệm thu trước đó (Có xác nhận của bên bảo hành tại biên bản giao nhận pin ngày 01/01/2021 và đã được lắp đặt lại. Nguyên đơn đã công nhận kết quả nghiệm thu ngày 31/12/2020 nhưng lấy lý do kết quả kiểm đếm hiện trường (Do nguyên đơn tự thực hiện) không đảm bảo kỹ thuật để yêu cầu hủy hợp đồng, buộc công ty M giảm số lượng tấm pin mang đi bảo hành để khớp với kết quả kiểm đếm

hiện trường ngày 01/01/2021. Trong khi hợp đồng mua bán điện không quy định công ty M không được phép mang pin đi bảo hành. Ngân hàng TMCP Quân đội không có yêu cầu độc lập, sau này nếu công ty M vi phạm hợp đồng sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã quyết định: *Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/8/2022, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị số 93/QĐ-VKS-DS ngày 06/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và cho rằng hợp đồng mua bán điện được ký kết dựa trên chính sách ưu đãi của Nhà nước nên việc ký hợp đồng thương mại này có điều kiện. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là hợp đồng thương mại thông thường về việc mua bán điện năng là nhận định chưa đúng bản chất. Đồng thời cấp sơ thẩm bỏ qua căn cứ để ký kết hợp đồng là phải nghiệm thu trước ngày 31/12/2021. Quá trình làm việc bị đơn thừa nhận là nếu lắp thêm những tấm pin chưa được nghiệm thu và bị vỡ, hỏng là sai. Do đó, bị đơn đã có sự thiếu trung thực dẫn đến vi phạm hợp đồng. Mặt khác một phần hợp đồng vi phạm cũng do điều kiện nghiệm thu trong đêm tối nên mới xảy ra vấn đề nghiệm thu không đúng.

Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận có việc sau khi nghiệm thu do một số lượng ít tấm pin không đảm bảo chất lượng đã tháo dỡ đưa đi bảo hành và ngày 16/01/2021 đã lắp đặt lại và việc lắp đặt lại cũng không vượt quá công suất theo hợp đồng các bên đã ký kết. Do vậy, đề nghị HĐXX bác kháng cáo, kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty Điện lực M, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, sửa bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của của Tổng Công ty Điện lực M làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo, kháng nghị:

[2.1]. Ngày 31/12/2020 giữa Tổng Công ty Điện lực M (Đại diện là Công ty Điện lực Đ, gọi tắt là bên mua) và Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại M (gọi tắt là bên bán) đã ký kết với nhau 03 hợp đồng mua bán điện hệ thống điện mặt trời mái nhà gồm: Hợp đồng số 329, 330 và 331. Theo nội dung hợp đồng xác định bên bán có 03 hệ thống điện mặt trời mái nhà, mỗi hệ thống có công suất là 1.092,285kWp tương ứng với 2.383 tấm pin (7.149 : 3), ngoài ra các bên còn thỏa thuận về giá, phương thức thanh toán và quyền, nghĩa vụ các bên thực hiện hợp đồng. Các bên đều thừa nhận việc thỏa thuận và ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy hợp đồng giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày giao kết hợp đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị không công nhận một phần kết quả nghiệm thu đối với 2.541 tấm pin theo Biên bản kiểm tra kỹ thuật Hệ thống điện năng lượng mặt trời ngày 31/12/2020 thì thấy: Biên bản kiểm tra điều kiện vận hành và kết cấu kỹ thuật, công suất của hệ thống điện mặt trời mái nhà ngày 31/12/2020 là một hoạt động do phía bên mua điện tổ chức thực hiện theo quy định của Luật điện lực và Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam, đây không phải là hợp đồng. Việc kiểm tra kỹ thuật là do đội ngũ cán bộ, kỹ sư của bên mua điện tổ chức thực hiện và phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn và chính xác của mình để giúp cho bên mua điện quyết định ký kết hợp đồng mua bán điện với chủ đầu tư (bên bán điện) theo quy định hay không?. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa thể hiện: Hình ảnh chụp qua vệ tinh ngày 01/01/2021 phía nguyên đơn cung cấp là sau thời điểm kiểm tra và ký kết hợp đồng mua bán điện ngày 31/12/2020, phía nguyên đơn cho rằng trên cơ sở ảnh chụp qua vệ tinh, Tổ kiểm tra đã kiểm đếm trên 03 hệ thống điện mái nhà của bên bán điện thiếu so với Biên bản kiểm tra kỹ thuật Hệ thống điện năng lượng mặt trời ngày 31/12/2020 là 2.541 tấm pin, số lượng này do phía nguyên đơn tự kiểm đếm. Về nội dung này bị đơn thừa nhận ngay sau khi lập biên bản kiểm tra do phần lớn tấm pin không đảm bảo chất lượng, có dấu hiệu đã qua sử dụng nên đã tháo dỡ 1.575 tấm pin đưa đi bảo hành và đã tiến hành lắp đặt lại vào ngày 16/01/2021 và khẳng định sau khi lắp đặt lại thì ít hơn số tấm pin đã được nghiệm thu và không vượt quá công suất 1.092,285kWp theo hợp đồng ngày 31/12/2020. Lời khai nhận này của bị đơn phù hợp với các tài liệu phía Công ty TNHH I cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, tình tiết này phía bị đơn đưa ra nguyên đơn không phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện pháp lý không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là đúng.

[2.3]. Đối với yêu cầu tuyên hủy một phần hợp đồng mua bán điện số 329, 330 và 331 ngày 31/12/2020 và buộc bị đơn tháo dỡ 2.541 tấm pin (tương ứng với mỗi hợp đồng là 847 tấm pin) xét thấy: Hợp đồng mua bán điện giữa các bên phát sinh hiệu lực như nhận định tại đoạn [2.1]; theo hợp đồng này bên bán điện đã đảm bảo các điều kiện vận hành, kết cấu kỹ thuật cũng như công suất của mỗi hệ thống điện mái nhà theo kết quả thể hiện tại biên bản kiểm tra do đội ngũ cán bộ, kỹ sư của bên mua điện thực hiện trước khi ký kết hợp đồng như nhận định tại đoạn [2.2] nêu trên. Việc hủy một phần hợp đồng là một loại chế tài trong thương mại được quy định tại Điều 292 Luật Thương mại và chế tài hủy bỏ toàn bộ hợp đồng hoặc một phần hợp đồng được áp dụng trong các trường hợp: “a) *Xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng; b) Một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng*” theo quy định tại khoản 4 Điều 312 Luật Thương mại. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị đơn có vi phạm một các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 312 Luật Thương mại. Việc nguyên đơn viện dẫn cho rằng bên bán có hành vi gian dối và vi phạm khoản 2 Điều 7 của hợp đồng đã ký kết là không có căn cứ và có sự nhầm lẫn. Bởi, khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng quy định về sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt hợp đồng và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ghi nhận số tấm pin thực tế hiện hữu tại thời điểm xem xét thẩm định là 6.977 tấm pin/7.149 tấm pin so với Biên bản kiểm tra ngày 31/12/2020, quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận 6.977 tấm pin hiện hữu trên 03 hệ thống điện mái nhà không lớn hơn công suất thể hiện trong hợp đồng mua bán điện ngày 31/12/2020 nên bị đơn không có hành vi gian dối trước khi ký kết hợp đồng mua bán điện. Mặt khác, trong Hợp đồng mua bán điện không có điều khoản nào quy định việc bên bán đưa pin đi bảo hành phải thông báo cho bên mua và việc bên bán tự ý sửa chữa, tháo dỡ pin đưa đi bảo hành là vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.

[2.4]. Đối với yêu cầu truy thu lượng điện do 2.541 số tấm pin phát sinh sản lượng từ ngày 16/01/2021 đến ngày 31/10/2021 là 2.295.896.110 đồng thì thấy: Yêu cầu truy thu không phải là loại chế tài trong thương mại quy định tại Điều 292 Luật Thương mại. Trường hợp, nguyên đơn chứng minh bị đơn vi phạm hợp đồng dẫn đến thiệt hại cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 302, 303 Luật Thương mại. Tuy nhiên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận như nhận định tại mục [2.2] và [2.3] nêu trên. Do vậy, yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không có căn cứ.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là đúng. Do vậy, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil là không có căn cứ nên bác toàn bộ nội dung kháng cáo, kháng nghị. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông là phù hợp.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty Điện lực M và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

Áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 126, Điều 401 và Điều 405 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 50, Điều 292, Điều 297, Điều 302, Điều 303, khoản 4 Điều 312, Điều 317 Luật thương mại năm 2005; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Điện lực M đối với Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại M với các yêu cầu:

- Không công nhận kết quả của việc nghiệm thu 2.541 tấm pin theo biên bản nghiệm thu vào ngày 31/12/2020 giữa Tổng công ty Điện lực M và Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại M;

- Hủy một phần các hợp đồng mua bán điện số 329, 330, 331/2020 ngày 31/12/2020 giữa Tổng công ty Điện lực M và Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại M đối với số lượng 2.541 tấm pin không được công nhận, đồng thời buộc bị đơn tháo dỡ 2.541 tấm pin trên 03 hệ thống điện mặt trời mái nhà, tương ứng mỗi hệ thống tháo dỡ 847 tấm pin;

- Buộc bị đơn hoàn trả sản lượng điện do 2.541 tấm pin phát sinh sản lượng từ ngày 16/01/2021 đến ngày 31/10/2021 tương ứng số tiền 2,295,896,110 đồng (*Hai tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm mười đồng*).

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Tổng công ty Điện lực M phải chịu 77.918.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ 41.959.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000941, ngày 28/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, số tiền còn lại phải nộp 35.959.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Buộc Tổng công ty Điện lực M phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo biên số 0006804 ngày 08/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng